

CÔNG TY TNHH VUMI GROUP

vumigroup.vn

(tư vấn thuế doanh nghiệp/hộ cá nhân kinh doanh)

CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

(NGHỊ ĐỊNH 68/2026/NĐ-CP)

Trình bày: Ths. Nguyễn Kiên Cường

CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU QUY ĐỊNH NGHỊ ĐỊNH 68/2026/NĐ-CP

PHẦN 1.1: QUY ĐỊNH CHUNG

PHẦN 1.2: CHÍNH SÁCH THUẾ

PHẦN 1.3: QUẢN LÝ THUẾ

PHẦN 1.4: TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

PHẦN 1.5: HIỆU LỰC NGHỊ ĐỊNH 68

PHẦN 1.6: THÔNG TƯ 18/2026/TT-BTC

CHƯƠNG II: THẢO LUẬN/TÌNH HUỐNG

PHẦN 2.1: TÌNH HUỐNG

PHẦN 2.2: THẢO LUẬN

CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

PHẦN 1.1

QUY ĐỊNH CHUNG

PHẦN 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Quy định về chính sách thuế:

- * Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác; khai thuế, tính thuế, nộp thuế, **quyết toán thuế**, xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa; phạm vi trách nhiệm, cách thức các chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác thực hiện khấu trừ, kê khai thay và nộp thay số thuế đã khấu trừ của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh;
- * Trách nhiệm khai thay, nộp thuế thay của tổ chức trong các trường hợp:
 - **hợp tác kinh doanh với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh,**
 - ký hợp đồng với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh làm đại lý bán đúng giá đối với xổ số, bảo hiểm, bán hàng đa cấp;
- * Sử dụng hóa đơn điện tử;
- * Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan.

(Điều 1 ND 68)

PHẦN 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Đối tượng áp dụng

1. Người nộp thuế là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.
2. Cơ quan thuế các cấp và công chức thuế.
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

(Điều 2 ND 68)

CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

PHẦN 1.2

CHÍNH SÁCH THUẾ

PHẦN 2

CHÍNH SÁCH THUẾ

Chính sách thuế GTGT

1. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh có mức doanh thu năm từ 500 triệu đồng trở xuống thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.
2. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh có mức doanh thu năm trên 500 triệu đồng:
 - Thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng và;
 - **Áp dụng phương pháp tính trực tiếp theo doanh thu bằng tỷ lệ % nhân (x) doanh thu.** Tỷ lệ % và doanh thu tính thuế thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

(Điều 3 NĐ 68)

PHẦN 2

CHÍNH SÁCH THUẾ

Chính sách thuế TNCN

Cá nhân cư trú có hoạt động sản xuất, kinh doanh, bao gồm cả cá nhân đăng ký thành lập hộ kinh doanh hoặc người được các thành viên hộ gia đình ủy quyền làm người đại diện hộ kinh doanh (sau đây gọi là cá nhân kinh doanh) có mức doanh thu năm từ 500 triệu đồng trở xuống không phải nộp thuế thu nhập cá nhân.

Cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 500 triệu đồng thực hiện nộp thuế theo quy định tại Điều 7 Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15.

(Điều 4 NĐ 68)

PHẦN 2

CHÍNH SÁCH THUẾ

Chính sách thuế TNCN

Đối với cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 500 triệu và đến 3 tỷ lựa chọn nộp thuế **theo thuế suất nhân (x) với doanh thu tính thuế** thì:

- Trường hợp có nhiều ngành, nghề kinh doanh áp dụng các mức thuế suất thuế thu nhập cá nhân khác nhau hoặc có nhiều địa điểm kinh doanh thì cá nhân được áp dụng mức trừ 500 triệu đồng trước khi tính thuế thu nhập cá nhân đối với một hoặc một số ngành, nghề kinh doanh hoặc địa điểm kinh doanh **do cá nhân lựa chọn theo phương án có lợi nhất**, nhưng tổng mức trừ không vượt quá 500 triệu đồng trong một năm đối với doanh thu của toàn bộ hoạt động kinh doanh.
- Trường hợp doanh thu từ ngành, nghề kinh doanh hoặc địa điểm kinh doanh được lựa chọn chưa trừ đủ 500 triệu đồng, cá nhân được trừ tiếp mức chưa trừ hết vào doanh thu của một hoặc một số ngành, nghề kinh doanh hoặc địa điểm kinh doanh khác cho đến khi tổng mức trừ đủ 500 triệu đồng

(Điều 4 NĐ 68)

PHẦN 2

CHÍNH SÁCH THUẾ

Chính sách thuế TNCN

Đối với Cá nhân cho thuê bất động sản, trừ hoạt động kinh doanh lưu trú nộp thuế thu nhập cá nhân được xác định bằng phần doanh thu vượt trên 500 triệu nhân (x) với thuế suất 5%.

Trường hợp cá nhân có nhiều bất động sản cho thuê ở các địa điểm khác nhau, cá nhân được trừ 500 triệu đồng trước khi tính thuế thu nhập cá nhân đối với một hoặc một số hợp đồng cho thuê bất động sản do cá nhân lựa chọn nhưng tổng mức được trừ không quá 500 triệu đồng một năm đối với tất cả hợp đồng cho thuê bất động sản.

Trường hợp hợp đồng cho thuê bất động sản được lựa chọn chưa trừ đủ 500 triệu đồng, cá nhân được tiếp tục lựa chọn các hợp đồng cho thuê bất động sản khác để được trừ tiếp cho đến khi trừ đủ 500 triệu đồng;

(Điều 4 NĐ 68)

PHẦN 2

CHÍNH SÁCH THUẾ

Chính sách thuế TNCN

Đối với Cá nhân cho thuê bất động sản, trừ hoạt động kinh doanh lưu trú nộp thuế thu nhập cá nhân được xác định bằng phần doanh thu vượt trên 500 triệu nhân (x) với thuế suất 5%.

Trường hợp cá nhân có nhiều bất động sản cho thuê ở các địa điểm khác nhau và có quy định bên đi thuê khai thay, nộp thay thuế, khi lựa chọn hợp đồng cho thuê bất động sản để áp dụng mức được trừ khi tính thuế thu nhập cá nhân, cá nhân cho thuê bất động sản và bên đi thuê phải quy định rõ trong hợp đồng cho thuê bất động sản nội dung khai thay, nộp thay thuế và số tiền được trừ khi tính thuế thu nhập cá nhân.

Trường hợp hợp đồng cho thuê bất động sản có quy định khai thay, nộp thay thuế nhưng chưa trừ đủ 500 triệu đồng thì cá nhân được tiếp tục lựa chọn các hợp đồng cho thuê bất động sản khác để tiếp tục được trừ cho đến khi trừ đủ 500 triệu đồng.

(Điều 4 NĐ 68)

PHẦN 2

CHÍNH SÁCH THUẾ

Phương pháp tính thuế TNCN

1. **Doanh thu tính thuế nhân (x) với thuế suất** đối với cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 500 triệu đồng đến 03 tỷ đồng. Thuế suất thuế thu nhập cá nhân áp dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15.

2. **Thu nhập tính thuế nhân (x) thuế suất** đối với:

- Cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 03 tỷ đồng và
- Cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 500 triệu đồng đến 03 tỷ đồng lựa chọn phương pháp này.

Thu nhập tính thuế được xác định **bằng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra trừ (-) chi phí** liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế.

Thuế suất: 15% (doanh thu đến 3 tỷ); 17% (trên 03 tỷ đến 50 tỷ); 20% (trên 50 tỷ)
(Điều 4 NĐ 68)

PHẦN 2

CHÍNH SÁCH THUẾ

Ổn định Phương pháp tính thuế:

Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu trên 03 tỷ đồng hoặc có doanh thu năm trên 500 triệu đồng đến 03 tỷ đồng đang áp dụng phương pháp tính thuế thu nhập cá nhân theo thu nhập tính thuế nhân (x) thuế suất thì thực hiện ổn định phương pháp tính thuế trong 02 năm liên tục kể từ năm đầu tiên áp dụng.

Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 500 triệu đồng đến 03 tỷ đồng đang áp dụng phương pháp tính thuế thu nhập cá nhân theo thuế suất nhân (x) doanh thu tính thuế, nếu hết năm xác định doanh thu thực tế năm trên 03 tỷ đồng thì từ năm tiếp theo phải chuyển sang áp dụng phương pháp tính thuế thu nhập cá nhân theo thu nhập tính thuế nhân (x) thuế suất.

(Điều 4 NĐ 68)

PHẦN 2

CHÍNH SÁCH THUẾ

Doanh thu để xác định thuế thu nhập cá nhân

Doanh thu là toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền cung ứng dịch vụ kể cả trợ giá, phụ thu, phụ trội mà hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được hưởng, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền; bao gồm cả các khoản thưởng được nhận, khoản được nhận từ hỗ trợ đạt doanh số, khuyến mại, chiết khấu thanh toán, khoản hỗ trợ được nhận bằng tiền hoặc không bằng tiền, các khoản bồi thường vi phạm hợp đồng, bồi thường khác liên quan đến hoạt động kinh doanh, doanh thu khác mà cá nhân kinh doanh được nhận không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền, không bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và giá trị hàng bán bị trả lại

(Điều 5 NĐ 68)

PHẦN 2

CHÍNH SÁCH THUẾ

Doanh thu để xác định thuế thu nhập cá nhân

Doanh thu đối với một số trường hợp được quy định cụ thể như sau:

- a) Đối với hoạt động gia công hàng hóa là tiền thu về hoạt động gia công bao gồm cả tiền công, chi phí về nhiên liệu, động lực, vật liệu phụ và chi phí khác phục vụ cho việc gia công hàng hóa;
- b) Trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo phương thức trả góp, trả chậm là tiền bán hàng hóa, dịch vụ trả tiền một lần, không bao gồm tiền lãi trả góp, tiền lãi trả chậm;
- c) Trường hợp giao hàng hóa cho các đại lý là tổng số tiền bán hàng hóa;
- d) Trường hợp nhận làm đại lý bán hàng đúng giá quy định của bên giao đại lý là tiền hoa hồng được hưởng theo hợp đồng đại lý;
- đ) Đối với hoạt động cho thuê tài sản là số tiền bên thuê trả từng kỳ theo hợp đồng thuê. Trường hợp bên thuê trả tiền trước cho nhiều năm thì doanh thu để tính thu nhập chịu thuế được phân bổ cho số năm trả tiền trước hoặc được xác định theo doanh thu trả tiền một lần;
- e) Đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ khác mà khách hàng trả tiền trước cho nhiều năm thì doanh thu để tính thu nhập chịu thuế được phân bổ cho số năm trả tiền trước hoặc xác định theo doanh thu trả tiền một lần;
- g) Đối với hoạt động vận tải là toàn bộ doanh thu vận chuyển hành khách, hàng hóa, hành lý phát sinh trong kỳ tính thuế;
- h) Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt là giá trị công trình, giá trị hạng mục công trình hoặc giá trị khối lượng công trình xây dựng, lắp đặt nghiệm thu, bao gồm cả giá trị nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị; trường hợp xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị là số tiền từ hoạt động xây dựng, lắp đặt không bao gồm giá trị nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị.

(Điều 5 ND 68)

PHẦN 2

CHÍNH SÁCH THUẾ

Doanh thu để xác định thuế thu nhập cá nhân

Thời điểm xác định doanh thu

- a) Đối với hoạt động bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hóa cho người mua.
- b) Đối với hoạt động cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc hoàn thành từng phần việc cung ứng dịch vụ cho người mua.

(Điều 5 NĐ 68)

PHẦN 2

CHÍNH SÁCH THUẾ

Chi phí để xác định thuế thu nhập cá nhân

Các khoản chi được trừ là:

- Các khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và;
- Có đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về hóa đơn, chứng từ, pháp luật về kế toán và;
- Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với các khoản thanh toán từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên theo pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

(Điều 6 NĐ 68)

PHẦN 2

CHÍNH SÁCH THUẾ

Chi phí để xác định thuế thu nhập cá nhân

Các khoản chi được trừ cụ thể:

- a) Chi phí nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hóa sử dụng vào sản xuất, kinh doanh;
- b) Chi phí tiền lương, tiền công, tiền thưởng, các khoản phụ cấp, bảo hiểm bắt buộc và các khoản chi trả cho người lao động có đóng bảo hiểm bắt buộc theo quy định; chi phí tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp và các khoản chi trả cho người lao động dưới 01 tháng;
- c) Chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh. **Mức trích khấu hao tài sản cố định được tính vào chi phí hợp lý theo quy định về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định áp dụng đối với doanh nghiệp.** Trường hợp tài sản cố định đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn tiếp tục được sử dụng cho sản xuất, kinh doanh thì không được trích khấu hao;
- d) Chi phí dịch vụ mua ngoài như điện, nước, điện thoại, internet, vận chuyển, thuê tài sản, sửa chữa, bảo dưỡng có hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật;
- đ) Chi phí trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh của tổ chức tín dụng theo lãi suất thực tế. Chi phí trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng không vượt quá mức quy định tại Bộ luật Dân sự;
- e) Các khoản chi khác phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh.

(Điều 6 ND 68)

PHẦN 2

CHÍNH SÁCH THUẾ

Chi phí để xác định thuế thu nhập cá nhân (tiếp)

Các khoản chi **KHÔNG** được trừ cụ thể:

- a) Khoản chi không liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh;
- b) Các khoản chi không có đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật;
- c) **Khoản tiền lương, tiền công và các khoản chi có tính chất tiền lương của cá nhân kinh doanh, nhóm cá nhân kinh doanh, các thành viên trong hộ kinh doanh trừ các khoản đóng góp bảo hiểm bắt buộc**; khoản tiền lương, tiền công và các khoản chi có tính chất tiền lương đã tính vào chi phí nhưng thực tế không chi trả hoặc không có chứng từ thanh toán;
- d) Phần chi khấu hao tài sản cố định vượt mức quy định hoặc khấu hao đối với tài sản cố định không sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh;
- đ) Các khoản chi phạt vi phạm hành chính, phạt vi phạm hợp đồng, tiền bồi thường do lỗi của cá nhân kinh doanh;
- e) **Đất ở và công trình phục vụ sinh hoạt trên đất, xe ô tô và các tài sản đăng ký sở hữu hoặc đăng ký sử dụng mang tên cá nhân**, trừ xe ô tô và các tài sản đăng ký sở hữu hoặc đăng ký sử dụng với mục đích kinh doanh vận tải, du lịch;
- g) Các khoản chi phí phục vụ nhu cầu cá nhân, gia đình. Cá nhân kinh doanh có trách nhiệm theo dõi riêng chi phí phục vụ hoạt động kinh doanh và chi phí phục vụ nhu cầu cá nhân, gia đình.

(Điều 6 ND 68)

PHẦN 2

CHÍNH SÁCH THUẾ

Các khoản thuế khác

Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên, thuế bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật thuế thì việc xác định nghĩa vụ thuế được thực hiện theo quy định của pháp luật về từng loại thuế tương ứng.
(Điều 7 NĐ 68)

PHẦN 1.3

QUẢN LÝ THUẾ

NGUYÊN TẮC KHAI THUẾ, TÍNH THUẾ VÀ SỬ DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Nguyên tắc chung

Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự xác định có mức doanh thu năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ từ 500 triệu đồng trở xuống thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thông báo doanh thu thực tế phát sinh trong năm với cơ quan thuế chậm nhất là ngày 31 tháng 01 của năm dương lịch tiếp theo.

Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phát sinh doanh thu thực tế trên 500 triệu đồng trong năm thì thực hiện khai thuế, nộp thuế kể từ quý phát sinh doanh thu trên 500 triệu đồng.

NGUYÊN TẮC KHAI THUẾ, TÍNH THUẾ VÀ SỬ DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, nộp thuế

Trường hợp khai thuế theo quý thì thời hạn nộp hồ sơ khai thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng đầu tiên của quý tiếp theo.

Trường hợp khai thuế theo tháng thì thời hạn nộp hồ sơ khai thuế chậm nhất là ngày thứ 20 của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế.

Trường hợp khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo năm thì thời hạn nộp hồ sơ khai thuế chậm nhất là ngày 31 tháng 3 của năm dương lịch tiếp theo.

Thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế. Trường hợp khai bổ sung hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế là thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót.

(Điều 8 NĐ 68)

NGUYÊN TẮC KHAI THUẾ, TÍNH THUẾ VÀ SỬ DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, nộp thuế

Trường hợp cá nhân trực tiếp khai thuế đối với hoạt động cho thuê bất động sản thì cá nhân được lựa chọn khai thuế **hai lần trong năm** tính thuế hoặc khai thuế một lần theo năm tính thuế. Trường hợp khai thuế hai lần trong năm tính thuế, thời hạn nộp hồ sơ khai thuế lần thứ nhất chậm nhất là ngày 31 tháng 7 của năm tính thuế và lần thứ hai chậm nhất là ngày 31 tháng 01 của năm dương lịch tiếp theo năm tính thuế. Trường hợp khai thuế một lần theo năm tính thuế, thời hạn nộp hồ sơ khai thuế chậm nhất là ngày 31 tháng 01 của năm dương lịch tiếp theo năm tính thuế;

Trường hợp tổ chức thuê bất động sản của cá nhân mà trong hợp đồng thuê bất động sản có thỏa thuận bên đi thuê là người khai thuế thay, nộp thuế thay thì tổ chức thực hiện khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế xác định theo kỳ thanh toán tiền thuê bất động sản.

Trường hợp cá nhân cho cá nhân thuê bất động sản thì cá nhân cho thuê bất động sản phải trực tiếp khai thuế.

NGUYÊN TẮC KHAI THUẾ, TÍNH THUẾ VÀ SỬ DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Địa điểm khai thuế, nộp thuế

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh bao gồm cả kinh doanh thương mại điện tử *có nhiều địa điểm kinh doanh (cửa hàng) hoạt động trên cùng địa bàn một tỉnh, thành phố hoặc khác tỉnh, thành phố*, thực hiện khai thuế tổng hợp chung cho các địa điểm kinh doanh trên 01 hồ sơ khai thuế để nộp cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp trụ sở của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được xác định là địa điểm ghi trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh hoặc trên tờ khai đăng ký thuế đối với cá nhân kinh doanh. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện nộp thuế cho từng địa điểm kinh doanh.

Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thuế suất nhân (x) doanh thu tính thuế thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh kê khai doanh thu và số thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân phải nộp *theo từng địa điểm kinh doanh*.

Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thu nhập tính thuế nhân (x) thuế suất thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh kê khai doanh thu từng địa điểm kinh doanh và thực hiện *nộp thuế giá trị gia tăng theo từng địa điểm kinh doanh, nộp thuế thu nhập cá nhân tại trụ sở chính*.

(Điều 8 NĐ 68)

NGUYÊN TẮC KHAI THUẾ, TÍNH THUẾ VÀ SỬ DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Địa điểm khai thuế, nộp thuế

Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chỉ có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số và không có địa điểm kinh doanh thì thực hiện kê khai, nộp thuế tại cơ quan thuế quản lý địa bàn nơi hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh cư trú: nơi ở hiện tại; nơi tạm trú hoặc nơi thường trú

(Điều 8.4 NĐ 68)

NGUYÊN TẮC KHAI THUẾ, TÍNH THUẾ VÀ SỬ DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Địa điểm khai thuế, nộp thuế (tiếp)

Cá nhân có hoạt động cho thuê bất động sản thực hiện khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và gửi hồ sơ khai thuế cho cơ quan thuế nơi có bất động sản cho thuê.

Cá nhân có nhiều bất động sản cho thuê trên cùng địa bàn một tỉnh, thành phố hoặc khác tỉnh, thành phố, thực hiện khai thuế tổng hợp chung cho các bất động sản trên 01 hồ sơ khai thuế và lựa chọn 01 cơ quan thuế nơi có bất động sản cho thuê để nộp hồ sơ khai thuế trừ trường hợp tổ chức đi thuê khai thuế thay, nộp thuế thay. Cá nhân thực hiện kê khai doanh thu, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân phải nộp và nộp thuế theo từng địa điểm nơi có bất động sản cho thuê.

(Điều 8.4 ND 68)

CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

Thông báo địa điểm kinh doanh

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có địa điểm kinh doanh ngoài trụ sở chính thì thực hiện thông báo địa điểm kinh doanh với cơ quan thuế quản lý trực tiếp trụ sở của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày địa điểm kinh doanh đi vào hoạt động.

Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thay đổi thông tin, tạm ngừng, chấm dứt hoạt động đối với địa điểm kinh doanh thì thực hiện thông báo đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trụ sở của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi thông tin, tạm ngừng, chấm dứt hoạt động.

(Điều 8.4.đ NĐ 68)

NGUYÊN TẮC KHAI THUẾ, TÍNH THUẾ VÀ SỬ DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Sử dụng hóa đơn điện tử

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu tính thuế giá trị gia tăng hằng năm từ 01 tỷ đồng trở lên thì phải áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế.

Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có nhiều địa điểm kinh doanh thì sử dụng mã số thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh cho tất cả các cửa hàng và phải ghi rõ địa chỉ của từng địa điểm kinh doanh trên hóa đơn.

(Điều 8.5 NĐ 68)

NGUYÊN TẮC KHAI THUẾ, TÍNH THUẾ VÀ SỬ DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Sử dụng hóa đơn điện tử (tiếp)

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu tính thuế giá trị gia tăng năm trên 500 triệu đồng và dưới 01 tỷ đồng không bắt buộc sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế. Trường hợp đáp ứng điều kiện và có nhu cầu sử dụng hóa đơn điện tử thì đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế.

Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử, có nhu cầu sử dụng hóa đơn điện tử thì thực hiện khai và nộp thuế trước khi được cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ

(Điều 8.5 NĐ 68)

NGUYÊN TẮC KHAI THUẾ, TÍNH THUẾ VÀ SỬ DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Sử dụng hóa đơn điện tử (tiếp)

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới ra kinh doanh tại Điều 9 Nghị định này hoặc hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu tính thuế giá trị gia tăng năm trước chưa đến 01 tỷ đồng nhưng trong năm tính thuế có doanh thu tính thuế giá trị gia tăng từ 01 tỷ đồng trở lên thì phải áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế.

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử trong thời gian 30 ngày kể từ ngày cuối cùng của kỳ tính thuế có doanh thu tính thuế giá trị gia tăng lũy kể từ 01 tỷ đồng trở lên.

(Điều 8.5 ND 68)

NGUYÊN TẮC KHAI THUẾ, TÍNH THUẾ VÀ SỬ DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Khai thuế thay, nộp thuế thay

Tổ chức có trách nhiệm khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân khi chi trả thu nhập cho cá nhân trong các trường hợp sau:

- Tổ chức thuê bất động sản của cá nhân mà trong hợp đồng thuê bất động sản có thỏa thuận bên đi thuê là người khai thuế thay, nộp thuế thay;
- Tổ chức hợp tác kinh doanh với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh,
- Tổ chức ký hợp đồng với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh làm đại lý bán đúng giá đối với xổ số, bảo hiểm, bán hàng đa cấp

(Điều 8.7 NĐ 68)

KHAI THUẾ, NỘP THUẾ ĐỐI VỚI HKD, CNKD MỚI RA KINH DOANH

Thông báo doanh thu thực tế

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh trong 06 tháng đầu năm nếu có doanh thu thực tế từ 500 triệu đồng trở xuống thì thực hiện thông báo doanh thu thực tế phát sinh kể từ khi bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh đến hết ngày 30 tháng 6 với cơ quan thuế quản lý trực tiếp **chậm nhất là ngày 31 tháng 7** và thông báo doanh thu thực tế phát sinh trong 06 tháng cuối năm **chậm nhất là ngày 31 tháng 01 của năm dương lịch tiếp theo.**

Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh trong 06 tháng cuối năm nếu có doanh thu thực tế từ 500 triệu đồng trở xuống thì thực hiện thông báo doanh thu thực tế phát sinh chậm nhất là ngày 31 tháng 01 của năm dương lịch tiếp theo.

(Điều 9.1 NĐ 68)

KHAI THUẾ, NỘP THUẾ ĐỐI VỚI HKD, CNKD MỚI RA KINH DOANH

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh, khi có doanh thu lũy kế trên 500 triệu đồng **thì thực hiện khai thuế theo quý** kể từ quý phát sinh doanh thu trên 500 triệu đồng.

Từ năm tiếp theo, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nếu có doanh thu thực tế phát sinh từ 500 triệu đồng trở xuống thực hiện thông báo doanh thu theo quy định; trường hợp có doanh thu thực tế phát sinh trên 500 triệu đồng thì thực hiện khai thuế theo quy định.

(Điều 9.2&3 NĐ 68)

KHAI THUẾ, NỘP THUẾ ĐỐI VỚI HKD, CNKD CÓ DOANH THU NĂM TRÊN 500 TRIỆU

Khai thuế, nộp thuế giá trị gia tăng

- a) Trường hợp có doanh thu năm từ 50 tỷ đồng trở xuống thực hiện khai thuế, nộp thuế giá trị gia tăng theo quý;
- b) Trường hợp có doanh thu năm trên 50 tỷ đồng thực hiện khai thuế, nộp thuế giá trị gia tăng theo tháng.

(Điều 10.1 NĐ 68)

KHAI THUẾ, NỘP THUẾ ĐỐI VỚI HKD, CNKD CÓ DOANH THU NĂM TRÊN 500 TRIỆU

Khai thuế, nộp thuế thu nhập cá nhân

- a) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh lựa chọn nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thuế suất nhân (x) doanh thu tính thuế thực hiện khai, nộp thuế thu nhập cá nhân theo quý cùng thời hạn khai, nộp thuế giá trị gia tăng;
- b) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thu nhập tính thuế nhân (x) thuế suất thực hiện **khai tạm nộp** thuế thu nhập cá nhân theo tháng, quý trên cùng hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng.

Số thuế thu nhập cá nhân tạm nộp bằng thuế suất nhân (x) doanh thu tính thuế của tháng, quý và khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo năm. Trường hợp số thuế thu nhập cá nhân đã tạm nộp ít hơn số thuế đã khai tạm nộp, số thuế tạm nộp ít hơn số thuế phải nộp khi quyết toán thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện nộp bổ sung và không phải tính tiền chậm nộp. Trường hợp số thuế thu nhập cá nhân tạm nộp nhiều hơn số thuế phải nộp khi quyết toán thì thực hiện thủ tục xử lý tiền thuế nộp thừa.

(Điều 10.2 ND 68)

KHAI THUẾ, NỘP THUẾ ĐỐI VỚI HKD, CNKD CÓ DOANH THU NĂM TRÊN 500 TRIỆU

Tạm nộp thuế TNCN

Quy định: Số thuế thu nhập cá nhân tạm nộp bằng thuế suất nhân (x) doanh thu tính thuế của tháng, quý và khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo năm?

Chưa rõ ràng:

- Thuế suất: 20%, 17%, 15%.
- Doanh thu tính thuế được xác định như nào? Phương pháp tính thuế TNCN này = Thu nhập tính thuế x thuế suất.
Thu nhập tính thuế = Doanh thu – Chi phí → Không có khái niệm doanh thu tính thuế.



KHAI THUẾ, KHẤU TRỪ THUẾ ĐỐI VỚI HĐKD TRÊN NỀN TẢNG TMĐT, NỀN TẢNG SỐ

Thương mại điện tử

Hộ kinh doanh, cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác **không có chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán** có trách nhiệm **tự kê khai, nộp thuế** theo quy định NĐ 68.

Chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác trong nước hoặc nước ngoài **có chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán** có trách nhiệm **thực hiện khấu trừ, khai thay và nộp thay số thuế đã khấu trừ** đối với mỗi giao dịch cung cấp hàng hóa, dịch vụ của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 117/2025/NĐ-CP của hộ, cá nhân.

(Điều 11 NĐ 68)

KHAI THUẾ, KHẤU TRỪ THUẾ ĐỐI VỚI HĐKD TRÊN NỀN TẢNG TMĐT, NỀN TẢNG SỐ

Thương mại điện tử

Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chỉ có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số hoặc vừa có hoạt động kinh doanh tại địa điểm kinh doanh cố định vừa có kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số nếu có doanh thu năm tổng hợp trên 03 tỷ đồng hoặc có doanh thu năm trên 500 triệu đồng và lựa chọn khai thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thu nhập tính thuế nhân (x) thuế suất thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện tổng hợp doanh thu để khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo năm.

Số thuế thu nhập cá nhân đã được chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khấu trừ, nộp thay được trừ khi xác định số thuế thu nhập cá nhân phải nộp.

(Điều 11.3 ND 68)

KHAI THUẾ, KHẤU TRỪ THUẾ ĐỐI VỚI HĐKD TRÊN NỀN TẢNG TMĐT, NỀN TẢNG SỐ

Cá nhân không cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác không có chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán có trách nhiệm tự kê khai, nộp thuế theo quy định tại Nghị định số 117/2025/NĐ-CP và không phải thông báo doanh thu thực tế phát sinh trong năm với cơ quan thuế, không phải thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân.

(Điều 11.3 NĐ 68)

CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

PHẦN 1.4

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

Quyền và trách nhiệm của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

1. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có quyền yêu cầu cơ quan thuế hướng dẫn, giải đáp thắc mắc, hỗ trợ về khai thuế, tính thuế và nộp thuế.
2. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có các quyền của người nộp thuế theo quy định pháp luật về quản lý thuế.
3. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự kê khai đầy đủ, chính xác doanh thu phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh để xác định số thuế phải nộp theo quy định của pháp luật thuế và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã kê khai.
4. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện thông báo cho cơ quan thuế theo phương thức điện tử **tất cả các số tài khoản** mở tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, số hiệu ví điện tử mở tại tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán liên quan đến sản xuất, kinh doanh.
5. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm sử dụng sổ kế toán theo quy định của pháp luật kế toán và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính; sử dụng hóa đơn theo quy định.

CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

Quyền và trách nhiệm của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

6. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm cung cấp sổ kế toán, hóa đơn, phần mềm quản lý bán hàng, tài liệu liên quan theo yêu cầu của cơ quan thuế khi kiểm tra thuế.

7. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử có trách nhiệm kê khai và nộp thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường và các khoản thu khác phải nộp ngân sách nhà nước do cơ quan thuế quản lý thu theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về quản lý thuế và pháp luật khác có liên quan.

8. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác cho chủ quản nền tảng thương mại điện tử thông tin mã số thuế hoặc số định danh cá nhân đối với công dân Việt Nam; số hộ chiếu hoặc thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp đối với công dân nước ngoài và thông tin, tài liệu liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế phải nộp, các thông tin bắt buộc đối với người bán theo quy định của pháp luật về thương mại điện tử.

CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thay, nộp thay, khấu trừ thuế

1. kê khai đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn doanh thu và số thuế phải nộp; nộp thuế vào ngân sách nhà nước theo quy định.
2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi chậm kê khai, chậm nộp, kê khai sai, khấu trừ hoặc nộp thuế không đúng quy định theo quy định của Luật Quản lý thuế.
3. Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của pháp luật thuế và pháp luật khác có liên quan thì bị xử lý theo quy định của Luật Quản lý thuế.

(Điều 14 ND 68)

CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán từ năm 2025 trở về trước và đã được xác định mức thuế khoán (bao gồm cả trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có thay đổi về quy mô sản xuất kinh doanh dẫn đến doanh thu khoán thuế thay đổi từ 50% trở lên) theo quy định của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành, khi chuyển sang thực hiện kê khai thuế kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, **cơ quan thuế không sử dụng doanh thu khai thuế năm 2026 để xác định lại nghĩa vụ thuế các năm trước, không xử phạt vi phạm hành chính đối với các nghĩa vụ thuế đã thực hiện theo phương pháp khoán**, trừ trường hợp cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hành vi che giấu doanh thu dẫn đến thiếu số thuế phải nộp (**Điều 17.5 NĐ 68**)

CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

PHẦN 1.5

HIỆU LỰC NGHỊ ĐỊNH 68

CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

Trường hợp khai thuế theo tháng thì hồ sơ khai thuế tháng 1, tháng 2, tháng 3 năm 2026 gửi cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là ngày 20 tháng 4 năm 2026.

Đối với các hợp đồng cho thuê bất động sản phát sinh trước thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2026 và thời hạn còn lại của hợp đồng trên 06 tháng nếu đã nộp thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân thì được điều chỉnh mức doanh thu không chịu thuế giá trị gia tăng, mức doanh thu không phải nộp thuế thu nhập cá nhân. Trường hợp mức doanh thu còn lại trên 500 triệu đồng thì thực hiện nộp thuế theo quy định.

CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong năm 2025 nộp thuế theo phương pháp khoán hoặc phương pháp kê khai, có mức doanh thu từ 03 tỷ đồng trở lên hoặc **từ năm 2026 lựa chọn nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thu nhập tính thuế nhân (x) thuế suất** thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện xác định, ghi nhận giá trị hàng tồn kho, máy móc, thiết bị đang phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 để làm căn cứ xác định chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập cá nhân cho kỳ tính thuế năm 2026.

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh lập Bảng kê hàng tồn kho, máy móc, thiết bị, lưu giữ tại hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và **gửi 01 bản cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp bằng phương thức điện tử** cùng hồ sơ khai thuế quý I năm 2026 đối với trường hợp khai thuế theo quý hoặc chậm nhất là ngày 20 tháng 4 năm 2026 đối với trường hợp khai thuế theo tháng.

Cơ quan thuế tiếp nhận thông tin để phục vụ công tác quản lý thuế. Việc tiếp nhận bảng kê của cơ quan thuế không có giá trị pháp lý trong việc xác nhận hoặc hợp thức hóa nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác và đầy đủ của thông tin tại Bảng kê, trường hợp phát hiện vi phạm pháp luật thì xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan.

CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

PHẦN 1.6

THÔNG TƯ 18/2026/TT-BTC

CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

Stt	Ký hiệu	Nội dung
1	Mẫu số: 01/TB-ĐĐKD	Thông báo về việc thành lập/thay đổi thông tin/tạm ngừng/chấm dứt hoạt động đối với địa điểm kinh doanh
2	Mẫu số: 02/TB-ĐĐKD	Thông báo về việc cập nhật thông tin <thành lập/thay đổi thông tin/tạm ngừng/chấm dứt hoạt động> đối với địa điểm kinh doanh
3	Mẫu số: 01/TKN-CNKD	Thông báo doanh thu/Tờ khai thuế năm
4	Mẫu số: 01/CNKD	Tờ khai thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh
5	Mẫu số: 02/CNKD-TNCN-QTT	Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân
6	Mẫu số: 01/BK-STK	Thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử
7	Mẫu số: 01/TCKT	Tờ khai thuế của tổ chức khai thay
8	Mẫu số: 01/BK-KTHTKD	Phụ lục Bảng kê chi tiết hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh
9	Mẫu số: 02/BK-KTBĐS	Phụ lục Bảng kê chi tiết cá nhân cho thuê bất động sản
10	Mẫu số: 01/XSBHĐC	Tờ khai thuế thu nhập cá nhân
11	Mẫu số: 01/BK-XSBHĐC	Phụ lục Bảng kê chi tiết cá nhân có phát sinh doanh thu từ hoạt động đại lý xổ số, đại lý bảo hiểm, bán hàng đa cấp
12	Mẫu số: 01/BĐS	Thông báo doanh thu/Tờ khai thuế đối với hoạt động cho thuê bất động sản
13	Mẫu số: 01/BK-BĐS	Phụ lục Bảng kê chi tiết bất động sản cho thuê
14	Mẫu số: 01/BK-HTK	Bảng kê hàng tồn kho, máy móc, thiết bị của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

Đối với các hợp đồng cho thuê bất động sản phát sinh trước thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2026 và thời hạn còn lại của hợp đồng trên 06 tháng nếu đã nộp thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân thì:

- Được khai điều chỉnh theo Tờ khai thuế đối với hoạt động cho thuê tài sản Mẫu số 01/TTS ban hành kèm theo Thông tư số 40/2021/TT-BTC theo doanh thu chịu thuế thực tế phát sinh trong năm 2025 và
- Khai doanh thu năm 2026 theo Tờ khai thuế đối với hoạt động cho thuê bất động sản Mẫu số 01/BĐS

CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân (bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới ra kinh doanh) thông báo doanh thu thực tế phát sinh trong năm và kê khai các loại thuế khác theo Mẫu số 01/TKN-CNKD.
- Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân **theo phương pháp thuế suất nhân (x) với doanh thu tính thuế**, hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác là Tờ khai theo Mẫu số 01/CNKD.
- Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp **thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất**:
 - + Hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác **trong năm** là Tờ khai theo Mẫu số 01/CNKD.
 - + Hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân là Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo Mẫu số 02/CNKD-TNCN-QTT

CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới ra kinh doanh gửi Thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử theo mẫu số 01/BK-STK ban hành kèm theo Thông tư này kèm theo Thông báo doanh thu hoặc Tờ khai thuế đầu tiên của năm 2026.

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã nộp thuế theo phương pháp khoán hoặc phương pháp kê khai trong năm 2025, có doanh thu **từ 500 triệu đồng trở xuống** gửi Thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử theo Mẫu số 01/BK-STK **chậm nhất là ngày 20 tháng 4 năm 2026**.

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã thực hiện nộp thuế theo phương pháp khoán hoặc phương pháp kê khai trong năm 2025 có mức doanh thu **trên 500 triệu đồng** gửi Thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử theo Mẫu số 01/BK-STK **kèm theo Tờ khai thuế đầu tiên của năm 2026**.

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh khi thay đổi thông tin số tài khoản/số hiệu ví điện tử thì thông báo cho cơ quan thuế theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

Hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân đối với trường hợp tổ chức, cá nhân khấu trừ khai thuế thay, nộp thuế thay:

a) **Đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân hợp tác kinh doanh với tổ chức** là Tờ khai theo Mẫu số 01/TCKT và Phụ lục Bảng kê chi tiết hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo Mẫu số 01/BK-KTHTKD.

b) **Đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân cho thuê bất động sản**, trừ hoạt động kinh doanh lưu trú là Tờ khai theo Mẫu số 01/TCKT và Phụ lục Bảng kê chi tiết cá nhân cho thuê bất động sản theo Mẫu số 02/BK-KTBĐS.

c) **Đối với doanh nghiệp xổ số, bảo hiểm, bán hàng đa cấp trả tiền hoa hồng cho cá nhân trực tiếp ký hợp đồng làm đại lý bán đúng giá; doanh nghiệp bảo hiểm trả phí tích lũy bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác, hồ sơ gồm:**

- Tờ khai theo Mẫu số 01/XSBHĐC;
- Phụ lục Bảng kê chi tiết cá nhân có phát sinh doanh thu từ hoạt động đại lý xổ số, đại lý bảo hiểm, bán hàng đa cấp theo Mẫu số 01/BK-XSBHĐC và gửi kèm theo Tờ khai thuế của tháng/quý cuối cùng trong năm tính thuế.

CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

Đối với cá nhân trực tiếp ký hợp đồng làm đại lý xổ số, đại lý bảo hiểm, đại lý bán hàng đa cấp, hoạt động kinh doanh khác chưa khấu trừ, nộp thuế trong năm là Tờ khai thuế năm theo Mẫu số 01/TKN-CNKD.

Đối với cá nhân cho thuê bất động sản trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế là Tờ khai thuế đối với hoạt động cho thuê bất động sản theo Mẫu số 01/BĐS và Phụ lục Bảng kê chi tiết bất động sản theo Mẫu số 01/BK-BĐS.

CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

Hồ sơ đề nghị hoàn thuế nộp thừa

1. Hồ sơ đề nghị hoàn thuế nộp thừa đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế thu nhập cá nhân **theo phương pháp thuế suất nhân (x) với doanh thu tính thuế** là Tờ khai thuế theo Mẫu số 01/TKN-CNKD.
2. Hồ sơ đề nghị hoàn thuế nộp thừa đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế thu nhập cá nhân **theo phương pháp thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất** là Tờ khai thuế theo Mẫu số 02/QT-TNCN-CNKD.

CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh lập và gửi Bảng kê hàng tồn kho, máy móc, thiết bị đang phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 để làm căn cứ xác định chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập cá nhân cho kỳ tính thuế năm 2026 theo Mẫu số 01/BK-HTK.

CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

PHẦN 2.1

TÌNH HUỐNG THỰC TIỄN

CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

Tình huống 1:

Cá nhân sở hữu 12 nhà ở tại các tỉnh, dự án. Cá nhân đồng loạt cho thuê trong năm 2026. Tiền thuê hàng năm từ 12 bất động sản này vượt mức 500tr.

Ứng xử thuế 2026? Quy định pháp luật khác?

CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

Tình huống 2:

Cá nhân có tài sản là căn hộ dịch vụ, khách sạn, tòa nhà,...và hợp tác kinh doanh với Chủ đầu tư/doanh nghiệp. Chủ đầu tư/doanh nghiệp tổ chức kinh doanh và phân chia: doanh thu hoặc lợi nhuận cho các bên.

Ứng xử thuế 2026?

Liên hệ thực tiễn tại hệ thống Văn Phú:

1. Dự án Grandeur Palace Giảng Võ
2. Dự án Vlasta Sầm Sơn

CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

Tình huống 3:

Cá nhân có tài sản là nhà liền kề, biệt thự, xe ô tô đồng thời cho doanh nghiệp thuê. Ứng xử thuế 2026?

Liên hệ thực tiễn tại hệ thống Văn Phú.

CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

Tình huống 4:

Cá nhân có tài sản là nhà liền kề, biệt thự hợp tác kinh doanh với Chủ đầu tư/doanh nghiệp và được hưởng lợi nhuận xác định cụ thể hàng năm. Ứng xử thuế 2026?

Liên hệ thực tiễn tại hệ thống Văn Phú.

CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

Tình huống 5:

Cá nhân có tài sản là nhà liền kề, biệt thự tại các dự án bất động sản và cho khách thuê.

Ứng xử thuế 2026?

CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

Tình huống 6:

Cá nhân có tài sản là nhà liền kề, biệt thự tại các dự án bất động sản và cho khách thuê. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, khách thuê bị phạt 1 số tiền do chậm thanh toán.

Ứng xử thuế 2026 với số tiền này?

1. Lập biên bản và được trả luôn.
2. Lập biên bản nhưng thỏa thuận chưa trả trong 2026. Sang 2027 mới trả.

CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

Tình huống 7:

Cá nhân có tài sản là nhà liền kề, biệt thự tại các dự án bất động sản và cho khách thuê. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, khách thuê phải bồi thường 1 số tiền do làm hư hỏng tài sản.

Ứng xử thuế 2026 với số tiền này?

1. Lập biên bản và được trả luôn.
2. Lập biên bản nhưng thỏa thuận chưa trả trong 2026. Sang 2027 mới trả.

CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

Tình huống 8:

Cá nhân có tài sản là nhà liền kề, biệt thự hợp tác kinh doanh với Chủ đầu tư/doanh nghiệp và được hưởng lợi nhuận theo kết quả kinh doanh. Trong quá trình kinh doanh, Chủ đầu tư/doanh nghiệp thu tiền bồi thường từ khách hàng và trả tiền bồi thường cho cá nhân có tài sản do tài sản thuê bị hư hỏng.

Ứng xử thuế 2026?

1. Chủ đầu tư/doanh nghiệp thu luôn và trả luôn.
2. Chủ đầu tư ghi phải thu khách, phải trả lại cho cá nhân có tài sản. Sang 2027 thực hiện thu/trả.

CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

Tình huống 9:

Cá nhân có tài sản là xe ô tô cho doanh nghiệp thuê. Doanh nghiệp sử dụng tài sản và làm hư hỏng. Doanh nghiệp bồi thường chi phí phần không được bảo hiểm chi trả.

Ứng xử thuế 2026?

CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

Tình huống (tiếp theo):

.....

CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

PHẦN 2.2

THẢO LUẬN